Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8466.20.10

Mã HS	8466.20.10
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65, kể cả bộ phận kẹp sản phẩm hoặc kẹp dụng cụ, đầu cắt ren tự mở, đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho các máy này; bộ phận kẹp dụng cụ dùng cho mọi loại dụng cụ cầm tay / - Bộ phận kẹp sản phẩm: / - - Dùng cho máy thuộc phân nhóm 8456.40.10, 8456.90.20, 8460.31.10, 8465.91.10, 8465.92.10, 8465.95.10 hoặc 8465.99.50
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 05:45:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84662010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14266
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14266
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14266
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13604
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13545
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13545
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13545
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13545
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13545
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13545
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13599
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13599
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13599
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13599

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13599
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13599
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13600
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13600
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13600
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13600
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13600
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13600
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13603
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13551
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13559
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13559
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13559
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13559
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13559
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13559
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13590
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13590
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13590
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13590
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13590
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13590
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13639
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13639
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13639
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13639

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13639
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13639
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13622
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13622
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13622
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13622
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13622
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13622
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13622
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13622
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13622
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13622
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13622
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13622
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13637
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13637
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13637
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13637
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13637
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13637
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13636
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13636
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13636
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13636
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13636
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13616
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13616
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13616
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13616
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13616
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13616
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13616
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13624
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13624
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13624
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13624
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13624
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13624
RCEP B	2022	2022	0	B!D13624
RCEP B	2023	2023	0	B!E13624
RCEP B	2024	2024	0	B!F13624
RCEP B	2025	2025	0	B!G13624
RCEP B	2026	2026	0	B!H13624
RCEP B	2027	2027	0	B!I13624
RCEP C	2022	2022	0	C!D13624
RCEP C	2023	2023	0	C!E13624
RCEP C	2024	2024	0	C!F13624
RCEP C	2025	2025	0	C!G13624
RCEP C	2026	2026	0	C!H13624
RCEP C	2027	2027	0	C!I13624
RCEP D	2022	2022	0	D!D13623

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13623
RCEP D	2024	2024	0	D!F13623
RCEP D	2025	2025	0	D!G13623
RCEP D	2026	2026	0	D!H13623
RCEP D	2027	2027	0	D!I13623
RCEP E	2022	2022	0	E!D13627
RCEP E	2023	2023	0	E!E13627
RCEP E	2024	2024	0	E!F13627
RCEP E	2025	2025	0	E!G13627
RCEP E	2026	2026	0	E!H13627
RCEP E	2027	2027	0	E!I13627
RCEP F	2022	2022	0	F!D13624
RCEP F	2023	2023	0	F!E13624
RCEP F	2024	2024	0	F!F13624
RCEP F	2025	2025	0	F!G13624
RCEP F	2026	2026	0	F!H13624
RCEP F	2027	2027	0	F!I13624
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12645
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12645
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12645
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12645

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8466.20 có 2 dòng thuế; dòng 8466.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho máy thuộc phân nhóm 8456.40.10, 8456.90.20, 8460.31.10, 8465.91.10, 8465.92.10, 8465.95.10 hoặc 8465.99.50.	8466.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8466.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8466.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14266), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.